

BÁO CÁO ĐẦU TƯ - THÁNG 01/2025

Ngày 17/02/2025



<u>Trái phiếu Chính Phủ</u>	<p>Giá trị đấu thầu tăng hơn 17%, nhưng tỷ lệ trúng thầu giảm (52% xuống 49%), giữ tổng giá trị trúng thầu ổn định và kéo theo lãi suất tăng nhẹ lên mức 2,7%-2,9%. Điều này cho thấy Chính phủ tích cực phát hành trái phiếu để huy động vốn cho đầu tư công, mặc dù khả năng hấp thụ của thị trường chưa đáp ứng kịp, gây áp lực tăng lãi suất. Giá trị giao dịch thị trường thứ cấp giảm so với tháng trước nhưng vẫn cao so với mức chung năm 2024, kèm theo lợi suất tăng nhẹ lên mức 2,6% - 3,4%.</p>
<u>Trái phiếu doanh nghiệp</u>	<p>Thị trường trái phiếu chủ yếu được các tổ chức tín dụng phát hành nhằm tăng vốn trung và dài hạn, với kỳ vọng phục hồi thị trường trái phiếu bất động sản và duy trì lãi suất coupon ổn định.</p> <p>Đến 31/01/2025, tháng 1 có 4 đợt phát hành trái phiếu trị giá 5.5 nghìn tỷ đồng và mua lại trái phiếu đạt 5.7 nghìn tỷ đồng (giảm 29% so với cùng kỳ). Dự kiến, 11 tháng còn lại sẽ có trái phiếu đáo hạn trị giá 203.4 nghìn tỷ đồng, trong đó bất động sản chiếm 56%.</p> <p>Trên thị trường thứ cấp, giao dịch đạt 80.13 nghìn tỷ đồng (giảm 21% so với tháng 12).</p> <p>Kế hoạch phát hành sắp tới gồm: Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM: 100 triệu trái phiếu (2 đợt). Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam: 40 triệu trái phiếu (2 đợt).</p>
<u>Chứng chỉ quỹ</u>	<p>Tính đến ngày 11/02/2025, theo số liệu hàng tháng, các quỹ đầu tư cổ phiếu dẫn đầu ghi nhận hiệu suất nằm trong khoảng từ 4,3% đến 5,3%, trong khi các nhóm quỹ cân bằng và trái phiếu chỉ đạt hiệu suất xấp xỉ 1% hoặc thấp hơn. Tuy nhiên, khi xét theo mức tăng trưởng trong 3 năm, một số quỹ đầu tư trái phiếu đã đạt được hiệu suất ấn tượng từ 24% đến 28%, trong khi quỹ đầu tư cổ phiếu, với mức rủi ro cao hơn, cho ra mức hiệu suất dao động từ 22% đến 34% và quỹ lỗ nhiều nhất đến gần -40%. Những con số này phần nào phản ánh tính ổn định của thị trường cổ phiếu Việt Nam trong hai năm vừa qua.</p>
<u>Tỷ giá</u>	<p>Chỉ số DXY dao động 107-110 điểm, cho thấy áp lực từ dòng vốn trú ẩn và kỳ vọng về chính sách Fed. Trong bối cảnh đó, USD/VND tăng đột biến (25.200-25.600 VND/USD), buộc NHNN can thiệp qua bán ngoại tệ giao ngay và hợp đồng kỳ hạn, nâng tỷ giá trung tâm từ 24.338 (10/01) lên 24.562 (14/02/2025). Đồng thời, NHNN bơm ròng hơn 160 nghìn tỷ đồng qua thị trường mở nhằm kiểm soát đà mất giá của VND.</p>
<u>Lãi suất huy động</u>	<p>Lãi suất liên ngân hàng qua đêm ổn định ở mức dao động từ 3,79% - 4,95% nhờ can thiệp của NHNN qua tín phiếu và REPO. Lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại cũng duy trì ổn định trong hơn 2 tháng cho thấy thanh khoản được đảm bảo ở tất cả các kỳ hạn. Kỳ vọng mặt bằng lãi suất được duy trì nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế thông qua kiểm soát thanh khoản và điều tiết tỷ giá. Tuy nhiên, rủi ro từ bất định chính sách tiền tệ toàn cầu và áp lực từ tỷ giá vẫn đang tiềm ẩn.</p>
<u>VNIndex</u>	<p>Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với tổng số bán ròng lũy kế đạt 9.397 tỷ đồng từ đầu năm 2025, gây tác động ngắn hạn đến thị trường. Trong khi đó, thanh khoản cải thiện nhờ các ngành tài chính, công nghiệp và năng lượng.</p> <p>Dù VN-Index dao động trong khoảng 1.200 - 1.300 điểm trong hơn 1 năm qua, điểm sáng ngắn hạn là chỉ số đã nằm trên các đường MA quan trọng (MA50, MA100, MA200 tuần) và mức dao động đã thu hẹp, với điểm tựa hiện tại ở 1.260 điểm. Sự trở lại của dòng tiền nội và sức mạnh của các nhóm dẫn dắt có thể giúp VN-Index vượt qua ngưỡng kháng cự 1.300 điểm trong thời gian tới.</p>
<u>Vàng</u>	<p>Trung Quốc khởi động chương trình thí điểm cho phép các công ty bảo hiểm mua vàng, dự kiến giải phóng khoảng 27 tỷ đô la đầu tư vào kim loại quý này, góp phần thúc đẩy đợt tăng giá kỷ lục. Sự gia tăng giá vàng được hỗ trợ bởi việc cắt giảm lãi suất và hoạt động mua vàng của các ngân hàng trung ương, đặc biệt từ các thị trường mới nổi và châu Á nhằm đa dạng hóa dự trữ và phòng ngừa rủi ro tiền tệ. Đồng thời, ngân hàng Trung ương Trung Quốc đã nâng dự trữ vàng lên mức kỷ lục 73,45 triệu ounce để ứng phó với những bất ổn về địa chính trị và kinh tế.</p> <p>Đầu năm 2025, giá vàng đã tăng hơn 10% sau khi tăng 27% trong năm 2024, được củng cố bởi xu hướng tăng liên tục từ cuối 2023. Tuy nhiên, vàng có thể điều chỉnh khi chỉ báo RSI chạm mốc 77 (vùng quá mua) và gặp cản trên đường xu hướng, với vùng điều chỉnh tiềm năng ở mức 2.965 - 2.995 USD.</p>
<u>BDS</u>	<p>Trong tháng 01/2025, có 12 dự án bất động sản được trao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, tiêu biểu có dự án MT Eastmark City và dự án căn hộ của CĐT Sun City. Mở bán mới dự kiến chào đón DX Home Riverside (TP. Thủ Đức), The Gió Riverside (Bình Dương) trong Q1/2025.</p>

Trái phiếu Chính Phủ thị trường sơ cấp

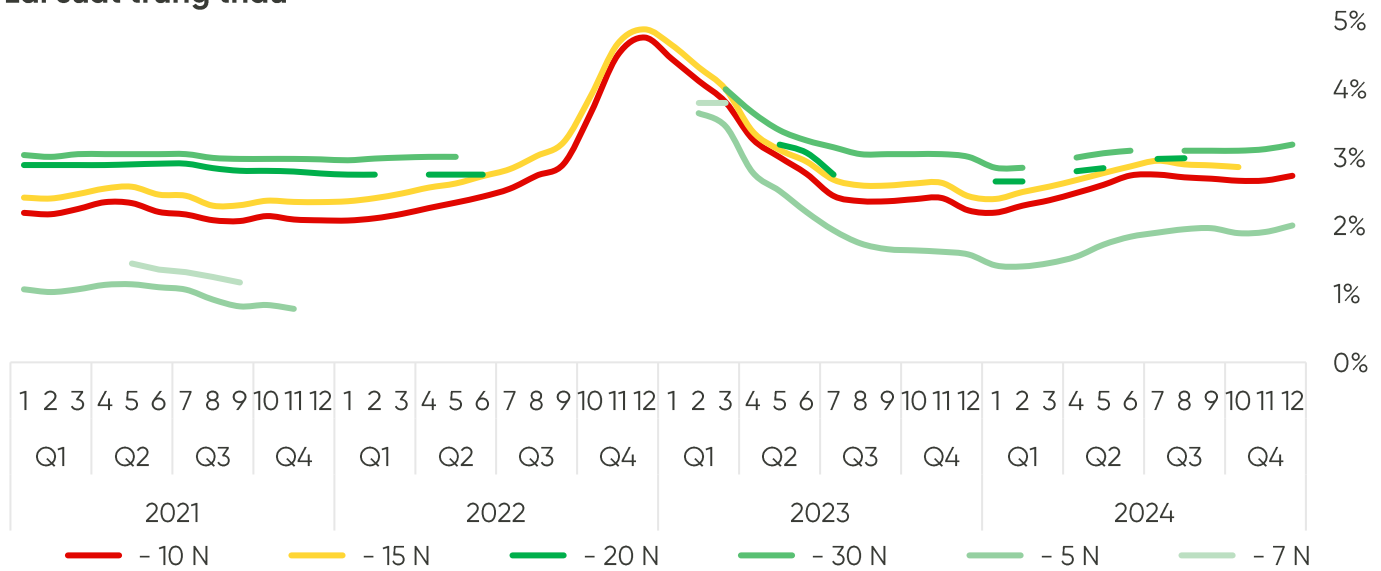
Trong tháng 1/2025, Kho bạc Nhà nước đã tổ chức 17 phiên đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu đạt 32,500 tỷ đồng và tỷ lệ trúng thầu 49.2%. Trong đó, kỳ hạn 10 năm chiếm ưu thế với giá trị trúng thầu đạt 12,816 tỷ đồng (tỷ lệ trúng thầu 55.3% và chiếm tỷ trọng 80.2%).

Các kỳ hạn 5 năm, 15 năm, 20 năm và 30 năm với giá trị và tỷ lệ trúng thầu lần lượt đạt 100 tỷ đồng (2.2%), 2,360 tỷ đồng (39.3%), 500 tỷ đồng (100%) và 206 tỷ đồng (8.2%).

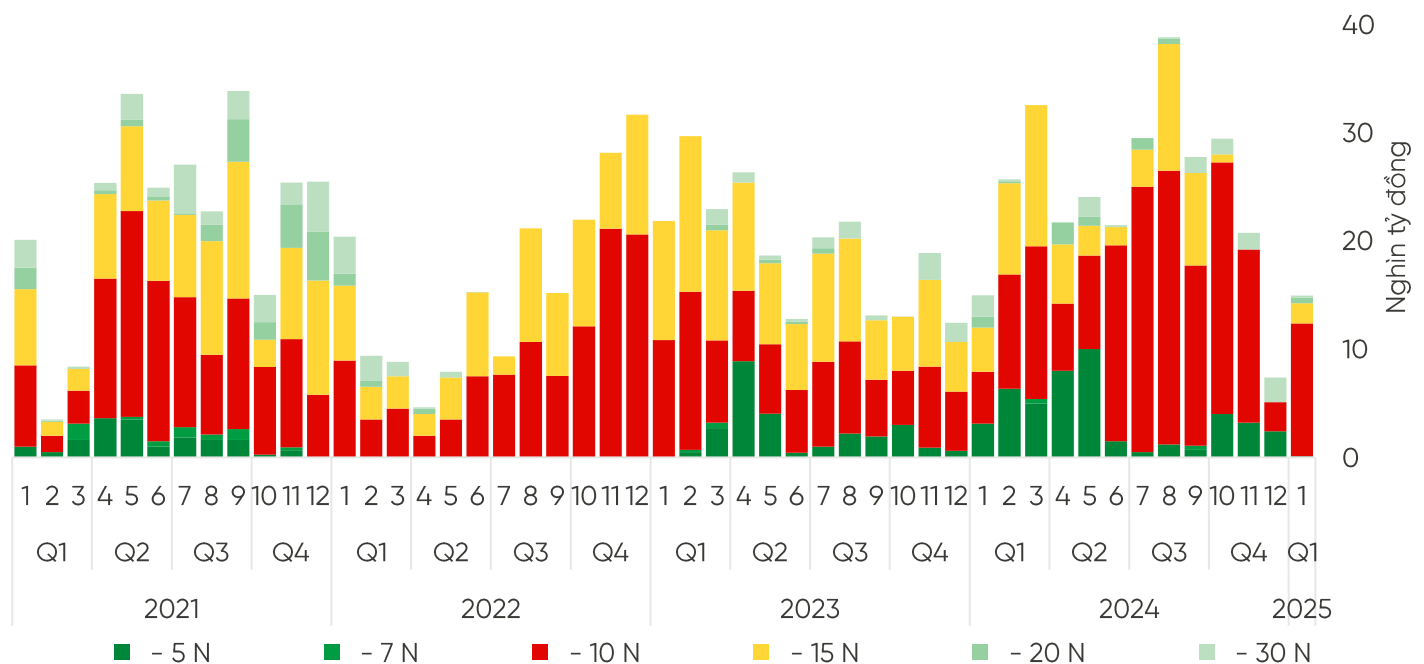
Lãi suất trúng thầu trung bình đã tăng so với tháng trước. Tổng giá trị trái phiếu Chính phủ phát hành qua đấu thầu trong tháng đầu năm đạt 15,982 tỷ đồng, tương đương 3.2% kế hoạch cả năm và 14.4% kế hoạch Q1/2024.

Giá trị đấu thầu tăng hơn 17% nhưng tỷ lệ trúng thầu suy giảm so với tháng trước và cả cùng kỳ (12/2024: 52% ; 01/2024: 49%) dẫn đến tổng giá trị trúng thầu đạt mức tương đương so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, mức lãi suất có xu hướng tăng nhẹ. Qua đây ta có thể thấy rằng, Chính Phủ đang tích cực phát hành lượng lớn trái phiếu nhằm mục đích huy động ngân sách phục vụ phát triển đầu tư công. Tuy nhiên khả năng hấp thụ thị trường chưa thể đáp ứng kịp thời thông qua việc tỷ lệ trúng thầu suy giảm từ đó dẫn đến mặt bằng lãi suất đấu thầu và trúng thầu đang có xu hướng tăng nhẹ.

Lãi suất trúng thầu



Giá trị trúng thầu theo kỳ hạn



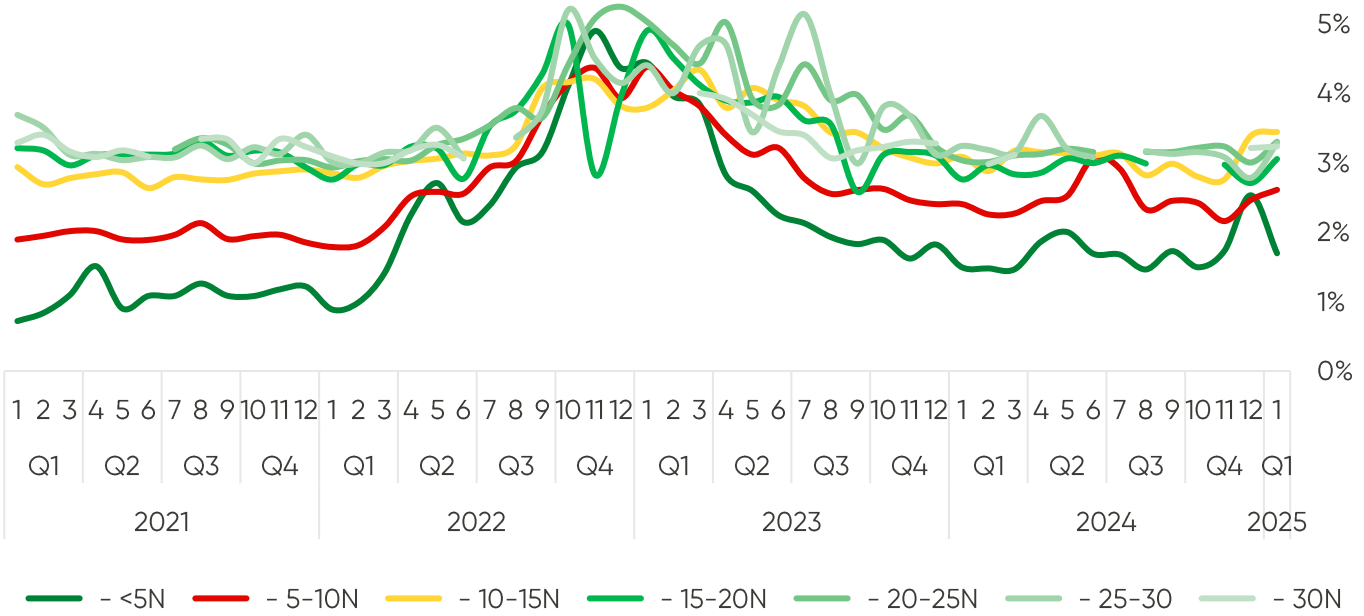
Nguồn: SBV, HNX, VPBankS Research phân tích

Trái phiếu Chính Phủ thị trường thứ cấp

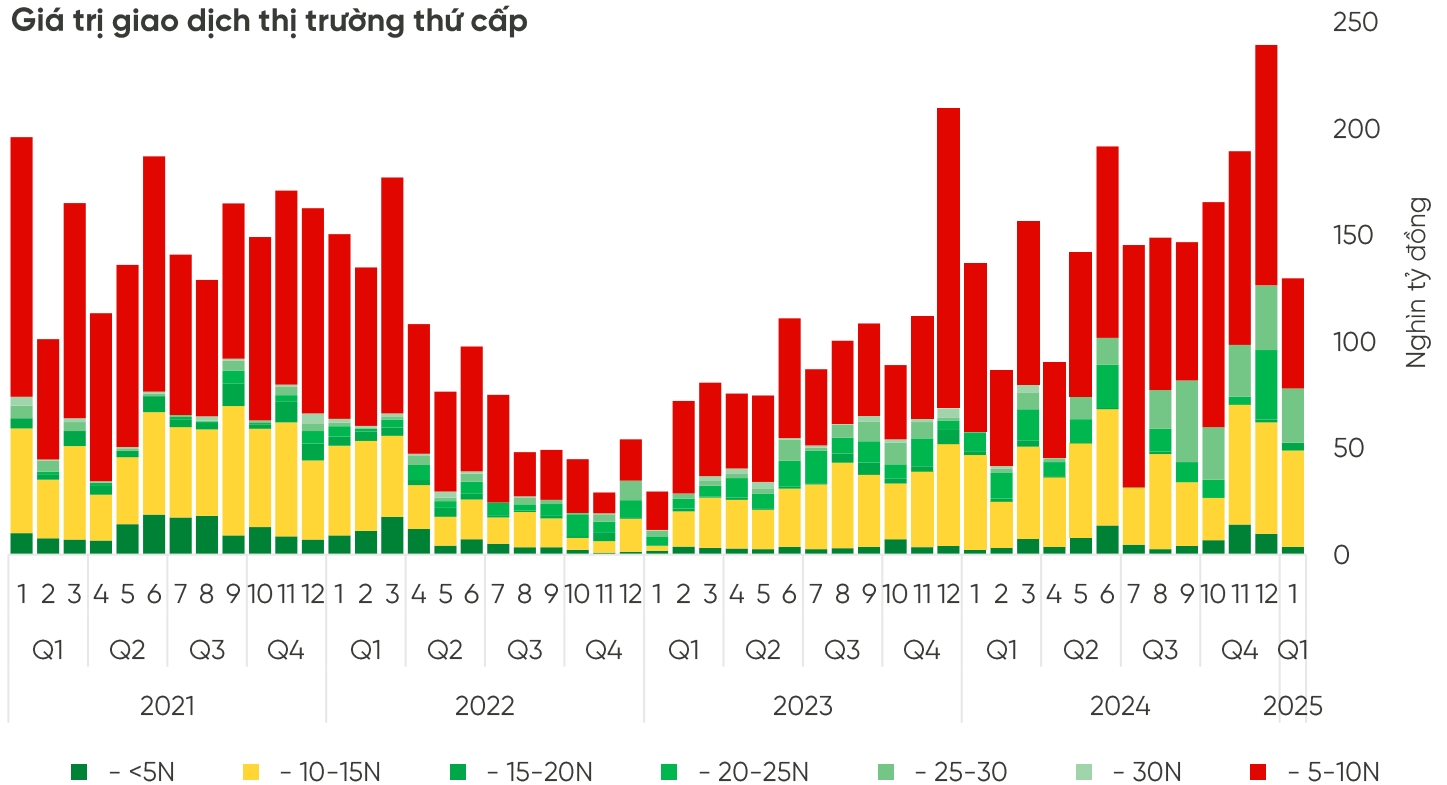
Trái phiếu 10 năm và 15 năm chiếm phần lớn giao dịch trên thị trường thứ cấp.

Giá trị giao dịch suy giảm so với tháng trước và tương đương cùng kỳ. Dù vậy, giá trị giao dịch vẫn ở mức cao so với một bình chung trong năm 2024. Lợi suất tăng nhẹ.

Lợi suất trái phiếu thị trường thứ cấp



Giá trị giao dịch thị trường thứ cấp



Trái phiếu Doanh nghiệp

Tính đến 31/01/2025, trong tháng 1 có 4 đợt phát hành trái phiếu với tổng giá trị khoảng 5.5 nghìn tỷ đồng. Doanh nghiệp mua lại trái phiếu trước hạn đạt 5.7 nghìn tỷ đồng, giảm 29% so với cùng kỳ. Dự kiến, trong 11 tháng còn lại của năm, trái phiếu đáo hạn có giá trị khoảng 203.4 nghìn tỷ đồng, trong đó trái phiếu bất động sản chiếm 56% (tương đương 117.1 nghìn tỷ đồng).

Trên thị trường thứ cấp, tổng giao dịch TPDN riêng lẻ đạt khoảng 80.13 nghìn tỷ đồng, trung bình mỗi phiên khoảng 4.71 nghìn tỷ đồng, giảm 21% so với tháng 12.

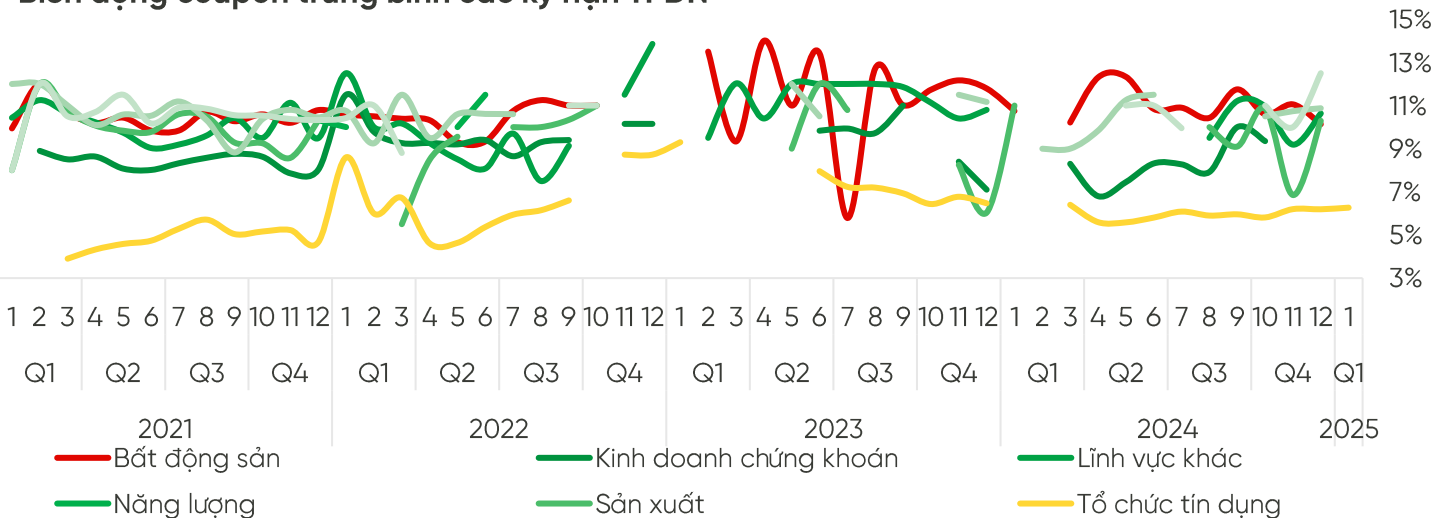
Kế hoạch phát hành công chúng sắp tới:

- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh : Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm. Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng là 100 triệu được chia thành 02 Đợt: Đợt 1: 50.000.000 trái phiếu, bao gồm: 25.000.000 Trái phiếu HDBC7Y253201, 25.000.000 Trái phiếu HDBC8Y253301; Đợt 2: 50.000.000 trái phiếu, bao gồm: 25.000.000 Trái phiếu HDBC7Y253202, 25.000.000 Trái phiếu HDBC8Y253302.
- Ngân hàng TMCP Lọc Phát Việt Nam: trái phiếu không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là nợ thứ cấp. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 40 triệu trái phiếu. Đợt 1: 30.000.000 trái phiếu, bao gồm: 29.000.000 Trái phiếu 07 năm, 1.000.000 Trái phiếu 10 năm. Đợt 2: 10.000.000 trái phiếu, bao gồm: 9.000.000 Trái phiếu 07 năm, 1.000.000 Trái phiếu 10 năm.

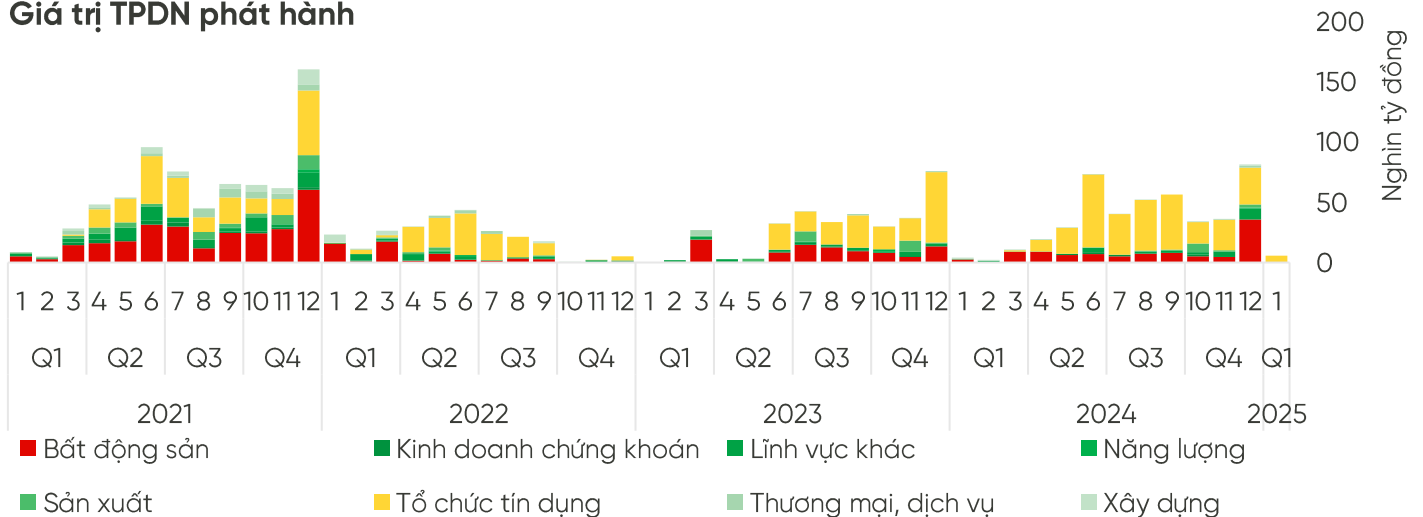
Thị trường trái phiếu khởi đầu bằng các lô phát hành trái phiếu ra công chúng và vắng bóng các lô phát hành riêng lẻ. Trong đó, chủ yếu vẫn là các tổ chức tín dụng vẫn đang duy trì đà phát hành nhằm gia tăng vốn trung và dài hạn hỗ trợ cho mục đích tăng trưởng tín dụng trong thời gian tới. Kỳ vọng trong giai đoạn sắp tới, với các chủ trương tăng trưởng và hỗ trợ tháo gỡ tích cực từ nhà nước thì thị trường trái phiếu bất động sản được khởi sắc trở lại.

Mặt bằng lãi suất coupon vẫn đang giao động ở mức tương đối không quá biến động. Chúng tôi kỳ vọng rằng mặt bằng lãi suất trong thời gian tới không biến động tăng mạnh theo chủ trương phát triển của Chính Phủ Việt Nam với mục tiêu duy trì lãi suất thấp hỗ trợ nền kinh tế.

Biến động coupon trung bình các kỳ hạn TPDN



Giá trị TPDN phát hành



Nguồn: SBV, HNX, VPBankS Research phân tích

Chứng chỉ quỹ

Ghi nhận tính đến ngày 11/02/2025.

- Tính theo tháng: hiệu suất quỹ đầu tư cổ phiếu với nhóm dẫn đầu đạt mức từ 4,3% đến 5,3%. 2 nhóm quỹ còn lại gồm cân bằng và trái phiếu đạt hiệu suất trên dưới 1%.
- Tuy nhiên, nếu xét tăng trưởng 3 năm thì một số quỹ đầu tư trái phiếu đạt mức hiệu suất ấn tượng từ 24% đến 28%. Trong khi đó, với mức độ rủi ro cao hơn thì quỹ đầu tư cổ phiếu có mức hiệu suất dao động từ 22% đến 34% và quỹ lỗ nhiều nhất đến gần -40%. Điều này có thể lý giải phần nào từ sự ảm đạm của thị trường cổ phiếu Việt Nam trong 2 năm vừa qua.

Trái Phiếu	Tên quỹ	Loại quỹ	Tổng NAV (Tỷ VNĐ)	NAV/CCQ (VNĐ)	Tăng trưởng NAV/CCQ				
					YTD	1 M	6 M	1 Y	3 Y
LHBF	Quỹ Đầu tư TP Lighthouse	Quỹ mở	95	13,938	1.68%	1.68%	6.51%	12.08%	N/A
VCFB-FIF	Quỹ Đầu tư TP VCFB	Quỹ mở	404	14,590	0.87%	0.85%	3.62%	7.77%	26.95%
MBAM	Quỹ Đầu tư TP Dòng Tiền Linh hoạt MB	Quỹ mở	275	10,476	0.77%	0.63%	2.82%	N/A	N/A
TCBF	Quỹ Đầu tư TP Techcom	Quỹ mở	14,177	20,306	0.53%	0.61%	3.99%	12.88%	28.90%
VFF	Quỹ Đầu tư TP Bảo Thịnh VinaCapital (VFF)	Quỹ mở	1,634	23,989	0.63%	0.61%	3.53%	6.66%	24.53%
MBBOND	Quỹ Đầu tư TP MB	Quỹ mở	247	15,321	0.72%	0.60%	3.85%	8.11%	21.67%
MAFF	Quỹ Đầu tư TP Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam	Quỹ mở	398	12,545	0.49%	0.54%	3.45%	7.24%	24.04%
VNDBF	Quỹ Đầu tư TP VND	Quỹ mở	329	14,617	0.56%	0.53%	3.43%	7.15%	24.76%
SSIBF	Quỹ Đầu tư TP SSI	Quỹ mở	327	15,781	0.53%	0.53%	2.97%	6.32%	21.27%
BVBF	Quỹ Đầu tư TP Bảo Việt	Quỹ mở	165	20,754	0.52%	0.52%	2.78%	6.43%	21.56%
DCIP	Quỹ Đầu tư TP gia tăng thu nhập cố định DC	Quỹ mở	1,204	11,304	0.59%	0.50%	2.68%	5.45%	16.32%
VTBF	Quỹ Đầu tư TP Vietinbank	Quỹ mở	65	14,289	0.50%	0.49%	2.92%	5.89%	19.65%
ABBF	Quỹ Đầu tư TP An Bình	Quỹ mở	1,809	13,198	0.63%	0.48%	2.91%	5.72%	N/A
CBPF	Quỹ Đầu tư TP Mở Rộng Chubb	Quỹ mở	132	13,205	0.46%	0.45%	2.76%	5.65%	17.28%
ASBF	Quỹ Đầu tư TP An Toàn Amber	Quỹ mở	54	12,079	0.52%	0.44%	2.68%	5.45%	N/A
VLBF	Quỹ Đầu tư TP Thanh Khoản VinaCapital	Quỹ mở	52	11,795	0.55%	0.43%	2.46%	4.35%	N/A
VNDCF	Quỹ Đầu tư TP Linh hoạt VND	Quỹ mở	101	10,839	0.53%	0.40%	2.54%	5.05%	N/A
HDBOND	Quỹ Đầu tư TP lợi tức cao HD	Quỹ mở	52	11,437	0.39%	0.39%	1.39%	4.23%	N/A
DCBF	Quỹ Đầu tư TP DC	Quỹ mở	1,635	27,232	0.41%	0.39%	3.07%	6.75%	21.63%
VFMVFB	Quỹ Đầu tư TP Phát triển Việt Nam VCAM-NH	Quỹ mở	62	11,521	0.37%	0.35%	2.44%	5.83%	N/A
DFVN-FIX	Quỹ Đầu tư TP DFVN	Quỹ mở	76	11,399	0.19%	0.19%	1.54%	3.17%	12.56%
FBF	Quỹ Đầu tư TP Fides Vn	Quỹ mở	66	11,675	-0.03%	-0.03%	2.05%	4.67%	16.40%
PVBF	Quỹ Đầu tư TP PVcom	Quỹ mở	60	14,440	-1.16%	-1.18%	3.65%	6.56%	24.45%

Cân Bằng	Tên quỹ	Loại quỹ	Tổng NAV (Tỷ VNĐ)	NAV/CCQ (VNĐ)	Tăng trưởng NAV/CCQ				
					YTD	1 M	6 M	1 Y	3 Y
VIBF	Quỹ Đầu tư Cân bằng Tuệ Sáng Vinacapital	Quỹ mở	867	18,040	1.04%	1.04%	2.36%	7.32%	13.65%
TCFF	Quỹ Đầu tư Cân bằng Linh hoạt Techcom	Quỹ mở	155	14,099	0.91%	0.91%	1.87%	4.61%	0.50%
VCAMBF	Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt	Quỹ mở	123	18,860	0.79%	-0.21%	1.79%	5.98%	11.74%
PHVSF	Quỹ Đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam	Quỹ mở	186	12,119	0.14%	-0.81%	1.36%	3.81%	10.67%
LHCDF	Quỹ Đầu tư Năng động Lighthouse	Quỹ mở	63	11,128	0.14%	0.79%	0.70%	9.81%	N/A
VCFB-TBF	Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến Lược VCFB	Quỹ mở	394	33,245	0.12%	0.12%	0.12%	9.63%	14.24%
MDI	Quỹ Đầu tư Năng động Manulife	Quỹ mở	153	11,066	-0.01%	0.14%	-0.01%	5.76%	9.04%
MAFBAL	Quỹ Đầu tư Cân bằng Manulife	Quỹ mở	255	16,231	-0.21%	0.14%	-0.05%	4.31%	9.31%
ENF	Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ mở	256	37,188	-0.28%	-0.01%	-0.18%	5.59%	9.30%
VINHAN	Quỹ Hữu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Vĩnh An	Quỹ hưu trí	30	10,722	-0.38%	-0.28%	-0.28%	-0.40%	1.72%
PHUCAN	Quỹ Hữu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Phúc An	Quỹ hưu trí	55	11,462	-0.71%	-0.38%	-0.38%	-0.08%	3.11%
PBIF	Quỹ Đầu tư Cân bằng PVcom	Quỹ mở	169	10,446	-0.79%	-0.71%	-0.71%	-1.31%	-0.14%
FUCVREIT	Quỹ Đầu tư BĐS Techcom Việt Nam	Quỹ BĐS	44	8,744	-0.81%	-0.79%	-0.79%	-2.56%	-4.71%
THINHAN	Quỹ Hữu Trí Thịnh An	Quỹ hưu trí	92	11,737	-1.58%	-1.58%	-1.16%	-2.25%	4.23%

Chứng chỉ quỹ

Cổ Phiếu	Tên quỹ	Loại quỹ	Tổng NAV (Tỷ VNĐ)	NAV/CCQ (VNĐ)	Tăng trưởng NAV/CCQ				
					YTD	1 M	6 M	1 Y	3 Y
FUEKIVFS	KIM GROWTH VNFINSELECT ETF	Quỹ ETF	326	13,287	2.13%	5.34%	13.90%	13.42%	N/A
FUESSVFL	Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD	Quỹ ETF	473	22,290	1.62%	4.96%	14.67%	9.85%	-3.81%
TCFIN	Quỹ Đầu tư CP Ngân Hàng Và Tài Chính Techcom (TCFIN)	Quỹ mở	223	12,605	1.88%	4.47%	9.56%	3.62%	N/A
FUEDCMID	Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP	Quỹ ETF	365	11,963	1.09%	4.33%	6.92%	8.36%	N/A
VDEF	Quỹ Đầu tư CP Cổ tức Năng động VinaCapital	Quỹ mở	174	10,599	1.03%	3.28%	11.43%	N/A	N/A
TCRES	Quỹ Đầu tư CP Bất Động Sản Techcom	Quỹ mở	69	10,404	1.34%	3.20%	4.25%	-2.37%	N/A
UVO	United Vietnam Opportunity Fund	Quỹ mở	65	6,953	-0.70%	3.10%	7.78%	9.70%	-25.48%
FUEVN100	Quỹ ETF VINACAPITAL VN100	Quỹ ETF	526	17,942	0.02%	2.88%	7.70%	10.58%	-10.46%
FUEIP100	ETF IPAAM VN100	Quỹ ETF	51	9,592	0.01%	2.71%	6.39%	10.90%	-13.37%
FUESSV50	Quỹ ETF SSIAM VNX50	Quỹ ETF	129	20,086	-0.07%	2.52%	7.70%	12.36%	-11.61%
NTPPF	Quỹ Đầu tư CP Triển vọng NTP	Quỹ mở	35	10,314	-0.51%	2.37%	6.66%	-1.88%	N/A
FUEMAVND	Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND	Quỹ ETF	341	13,856	-1.76%	2.28%	6.36%	17.25%	N/A
BMFF	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier	Quỹ mở	219	12,831	0.64%	2.27%	9.04%	13.87%	N/A
GFM-VIF	Quỹ Đầu tư Gia Tăng Giá trị GFM	Quỹ mở	59	10,267	-0.37%	2.26%	1.79%	N/A	N/A
BVFED	Quỹ Đầu tư CP Năng động Bảo Việt	Quỹ mở	133	22,736	-0.23%	2.26%	3.03%	12.04%	-4.73%
PYNELITE	PYN Elite Fund (non-ucits)	Quỹ mở	22,283	13,317,521	-0.32%	2.24%	8.10%	9.74%	-11.87%
DCDE	Quỹ Đầu tư CP Tập trung Cổ tức DC	Quỹ mở	567	28,339	-0.32%	2.23%	7.40%	11.11%	0.04%
FUEKIVND	Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND	Quỹ ETF	105	12,329	-1.89%	2.20%	5.60%	N/A	N/A
FUEMAV30	Quỹ ETF MAFM VN30	Quỹ ETF	754	16,079	-0.41%	2.17%	7.80%	11.81%	-11.75%
FUEKIV30	KIM GROWTH VN30 ETF	Quỹ ETF	1,772	8,935	-0.42%	2.16%	7.82%	11.83%	-11.92%
EIVFVN30	Quỹ ETF DCVFMVN30	Quỹ ETF	6,496	23,393	-0.47%	2.11%	7.77%	13.02%	-10.31%
FUESSV30	Quỹ ETF SSIAM VN30	Quỹ ETF	171	16,630	-0.49%	2.10%	7.49%	11.25%	-13.43%
FUEABVND	Quỹ ETF ABFVN DIAMOND	Quỹ ETF	59	10,219	-1.96%	2.09%	5.90%	N/A	N/A
DCDS	Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Năng động DC	Quỹ mở	2,951	80,827	-0.75%	2.07%	7.66%	16.67%	5.20%
FUEVFNND	Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	Quỹ ETF	12,459	32,988	-1.94%	2.06%	6.12%	17.67%	15.09%
MBVF	Quỹ Đầu tư Giá trị MB Capital	Quỹ mở	131	22,338	0.27%	2.02%	8.66%	14.64%	18.95%
VMEEF	Quỹ Đầu tư CP Kinh tế hiện đại VinaCapital	Quỹ mở	1,810	15,132	-0.27%	2.01%	7.44%	21.34%	N/A
VEOF	Quỹ Đầu tư CP Hưng Thịnh Vinacapital	Quỹ mở	1,048	31,041	-0.29%	1.98%	9.93%	14.79%	13.44%
VNH	Vietnam Holding Ltd	Quỹ đóng	3,166	133,030	-0.53%	1.94%	6.21%	12.40%	13.75%
VEIL	Vietnam Enterprise Investments Ltd.	Quỹ đóng	45,352	247,883	-0.29%	1.90%	8.78%	12.16%	-11.03%
VNM-ETF	VanEck Vietnam ETF	Quỹ ETF	9,983	295,355	-0.53%	1.89%	-1.29%	-2.42%	-34.44%
VESAF	Quỹ Đầu tư CP Tiếp Cận Thị Trường VinaCapital	Quỹ mở	2,669	31,317	-0.71%	1.82%	7.54%	14.09%	17.43%
Premia MSCI VN	Premia MSCI Vietnam ETF	Quỹ ETF	117	182,999	-0.31%	1.81%	-0.60%	-4.88%	-38.17%
K-VIETNAM	K Vietnam Equity Fund	Quỹ mở	8,717	10,041	-1.79%	1.80%	4.39%	10.57%	-6.79%
BVPF	Quỹ Đầu tư CP Triển vọng Bảo Việt (BVPF)	Quỹ mở	185	21,333	-0.34%	1.78%	8.56%	16.00%	22.75%
FVEF	Quỹ Đầu tư CP Giá trị Fides VN	Quỹ mở	106	12,722	0.10%	1.76%	4.98%	7.09%	N/A
TCEF	Quỹ Đầu tư CP Techcom	Quỹ mở	310	16,664	-0.57%	1.74%	1.99%	-2.01%	-15.98%
MSCI VN	Global X MSCI Vietnam ETF	Quỹ ETF	293	389,946	-0.19%	1.69%	-0.35%	-4.19%	N/A
KIM ACE VN30	KIM ACE Vietnam VN30 ETF	Quỹ ETF	3,919	363,650	-1.87%	1.55%	1.26%	4.52%	-18.79%
VLGF	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Dài Hạn Việt Nam	Quỹ mở	4,696	12,240	-1.15%	1.53%	6.85%	19.85%	22.79%
CGS Fullgoal	CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	Quỹ ETF	438	21,955	-1.75%	1.44%	-0.82%	-6.92%	N/A
TCSME	Quỹ Đầu tư CP Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ Techcom	Quỹ mở	93	12,802	0.91%	1.40%	5.60%	-0.55%	N/A
MAGEF	Quỹ Đầu tư CP Tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam	Quỹ mở	532	16,941	-0.76%	1.40%	5.13%	14.15%	8.35%
UVEEF	Quỹ Đầu tư CP United ESG Việt Nam	Quỹ mở	485	14,715	-0.88%	1.36%	6.77%	12.78%	N/A
VNDAF	Quỹ Đầu tư Chủ động VND	Quỹ mở	258	15,924	-0.64%	1.35%	1.09%	8.29%	-1.12%
FUEBFVND	ETF BVFVN DIAMOND	Quỹ ETF	53	13,895	-2.02%	1.33%	4.21%	16.31%	N/A
Fubon FTSE VN	Fubon FTSE Vietnam ETF	Quỹ ETF	14,660	9,013	-0.91%	1.12%	0.16%	-2.19%	-35.79%
VOF	Vinacapital Vietnam Opportunity Fund	Quỹ đóng	27,410	194,184	-0.66%	1.05%	2.39%	7.85%	1.00%
CSOP FTSE VN	CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	Quỹ ETF	73	19,137	-1.06%	1.04%	-0.48%	-3.99%	N/A
Xtrackers FTSE VN	Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF 1C	Quỹ ETF	6,326	627,597	-0.23%	1.03%	-0.10%	-6.21%	-38.13%
VCBF-MGF	Quỹ Đầu tư CP Tăng trưởng VCBF	Quỹ mở	668	13,534	0.99%	0.99%	15.87%	19.58%	33.97%
SSI-SCA	Quỹ Đầu tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI	Quỹ mở	822	40,631	-0.46%	0.93%	10.37%	22.57%	29.60%
FUEFCV50	Quỹ ETF FPT CAPITAL VNX50	Quỹ ETF	72	12,868	-0.87%	0.93%	8.96%	12.08%	N/A
VCAMDF	Quỹ Đầu tư Bản Việt Discovery	Quỹ mở	51	9,679	-0.51%	0.86%	1.60%	N/A	N/A
TCGF	Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thành Công	Quỹ mở	51	10,132	0.27%	0.27%	N/A	N/A	N/A
EVESG	Quỹ Đầu tư CP ESG Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ mở	1,438	10,267	0.01%	-0.08%	N/A	N/A	N/A
VCBF-BCF	Quỹ Đầu tư CP Hàng Đầu VCBF	Quỹ mở	735	35,704	-0.16%	-0.16%	12.81%	17.43%	19.87%
MAFEQI	Quỹ Đầu tư CP Manulife	Quỹ mở	560	18,006	-0.27%	-0.50%	6.09%	12.15%	-1.49%
FUCTVGF5	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	Quỹ đóng	174	10,096	-0.57%	-0.57%	-1.58%	-7.08%	N/A
TBLF	Quỹ Đầu tư CP Tăng trưởng Ballad Việt Nam	Quỹ mở	75	9,420	-0.64%	-0.64%	1.59%	12.07%	-7.92%
UVDF	Quỹ Đầu Tư United Thu Nhập Năng Động Việt Nam	Quỹ mở	93	10,069	-0.71%	-0.72%	N/A	N/A	N/A
VMVSF	Quỹ Đầu tư CP Việt Nam Chọn lọc	Quỹ mở	7,736	16,338	-0.86%	-0.86%	2.27%	18.70%	10.73%
FUCTVGF4	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Quỹ đóng	202	10,059	-1.37%	-1.37%	-0.57%	-8.43%	N/A
FUCTVGF3	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Quỹ đóng	205	10,308	-1.40%	-1.40%	-0.66%	-7.94%	-1.38%
DFVN-CAF	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFN	Quỹ mở	132	15,681	-2.58%	-2.58%	-1.44%	9.61%	-3.16%

Nguồn: SBV, HNX, VPBankS Research phân tích

Tỷ giá

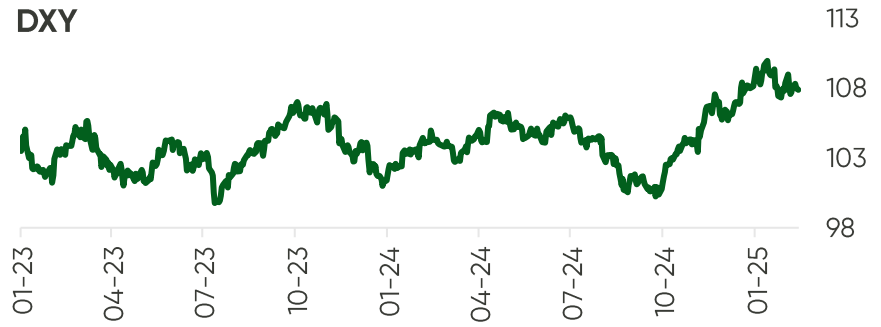
Chỉ số DXY đang dao động trong khoảng 107–110 điểm, phản ánh sự cân bằng giữa áp lực từ dòng vốn trú ẩn và những kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Fed.

Tỷ giá nội địa có xu hướng tăng đột biến với mức giao dịch tại các ngân hàng thương mại đạt khoảng 25.200–25.600 VND/USD, buộc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phải can thiệp mạnh mẽ qua việc bán ngoại tệ giao ngay và triển khai hợp đồng kỳ hạn nhằm ổn định thị trường. Bên cạnh đó, NHNN đã chủ động nâng tỷ giá trung tâm vào ngày 10/01 lên 24,338 và ghi nhận tại ngày 14/02/2025 là 24,562.

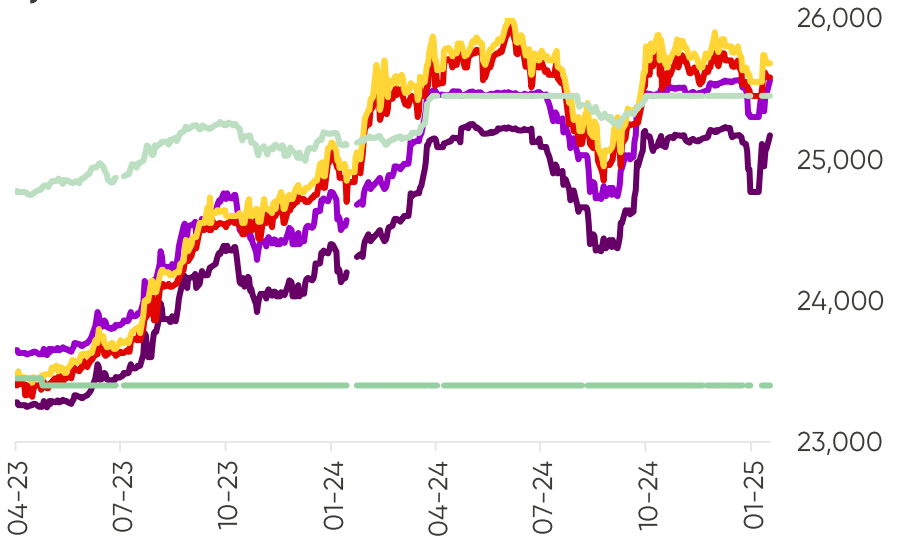
Tại thị trường mở (OMO) NHNN vẫn tích cực điều tiết thanh khoản. Hiện tại ước tính thông qua 2 công cụ Tin Phiếu và REPO NHNN đang bơm ròng ra nền kinh tế khoảng hơn 160 nghìn tỷ.

Nhìn chung, mặc dù thị trường ngoại hối Việt Nam chịu áp lực từ đồng USD mạnh, nhưng các biện pháp can thiệp của NHNN đang tích cực góp phần kiểm soát đà mất giá của VND. Kỳ vọng tổng thể mức mất giá trong năm được giới hạn trong khoảng 5% dựa trên các yếu tố nội sinh như thặng dư thương mại, dòng FDI và kiều hối.

DXY



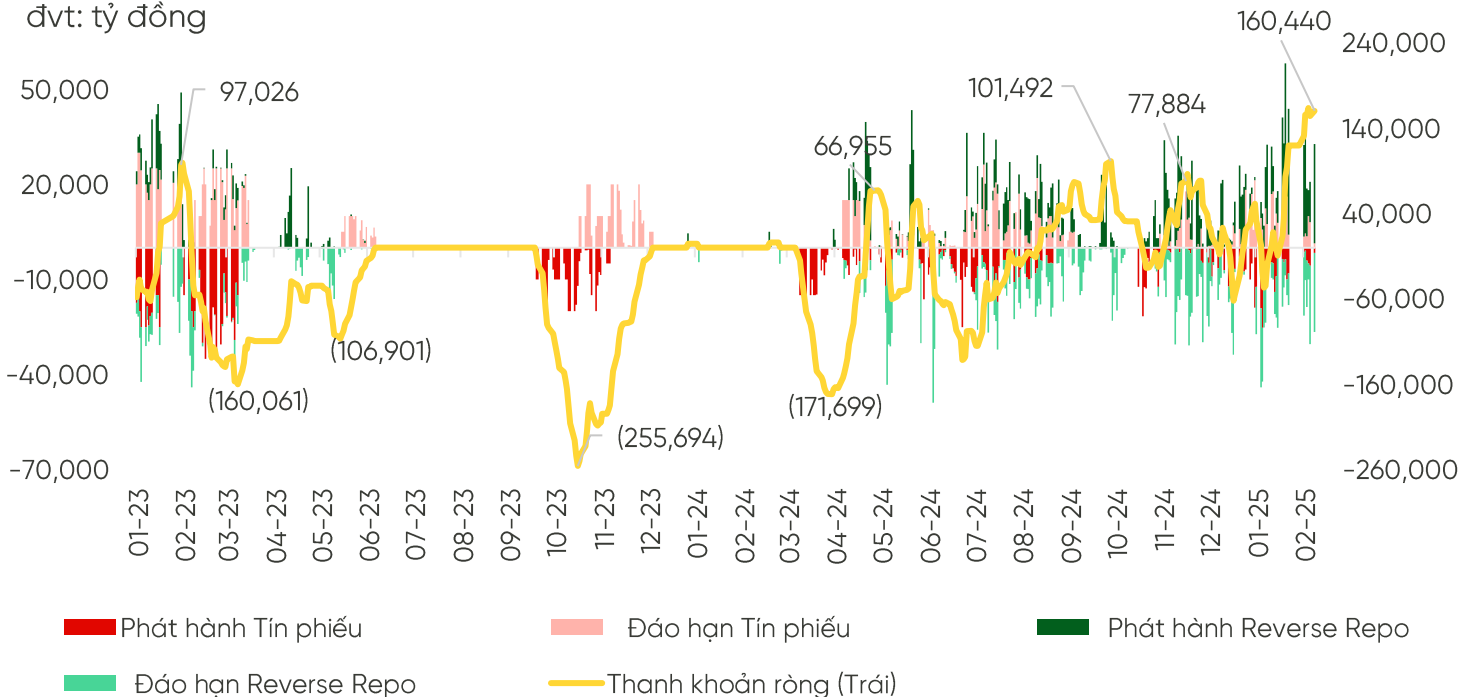
Tỷ Giá



- Mua (VCB)
- Bán (VCB)
- Mua (TT tự do)
- Bán (TT Tự do)
- Mua (SBV)
- Bán (SBV)

Hoạt động hút tín phiếu và thị trường mở

đvt: tỷ đồng



- Phát hành Tín phiếu
- Đáo hạn Tín phiếu
- Phát hành Reverse Repo
- Đáo hạn Reverse Repo
- Thanh khoản ròng (Trái)

Nguồn: SBV, HNX, VPBankS Research phân tích

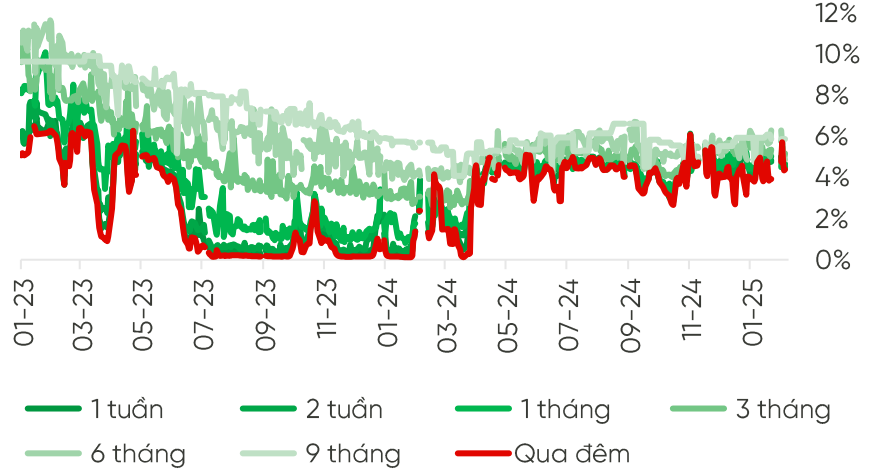
Lãi suất huy động

Lãi suất liên ngân hàng không quá biến động so với tháng trước với mức qua đêm trong tháng 01/2025 dao động quanh mức từ 3.79%- 4.95%. Sự ổn định này phần nào đến từ các đợt can thiệp của NHNN qua các kênh OMO như tín phiếu và REPO, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng được điều chỉnh cho phép duy trì mức ổn định trong hệ thống.

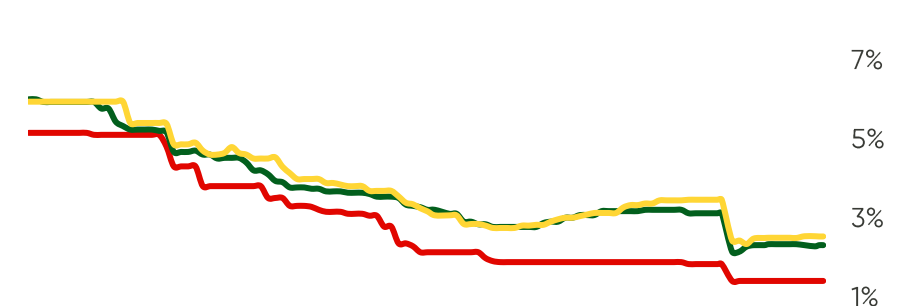
Mặt bằng lãi suất huy động từ các ngân hàng thương mại nhìn chung vẫn ở mức ổn định trong hơn 2 tháng gần nhất. Điều này cho thấy thanh khoản hiện tại vẫn ở mức tương đối ổn định về tất cả các kỳ hạn.

Kỳ vọng rằng với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16% trong năm 2025 nhưng mặt bằng lãi suất tiếp tục được kiểm soát ở mức tương đương năm 2024 nhằm mục tiêu hỗ trợ tăng trưởng kinh tế với các biện pháp kiểm soát thanh khoản và điều tiết tỷ giá từ NHNN. Tuy nhiên rủi ro vẫn hiện hữu bởi sự bất định từ các chính sách tiền tệ toàn cầu, đặc biệt từ Hoa Kỳ (với những chính sách tiềm ẩn của Tổng thống Trump), cùng với áp lực từ tỷ giá (khi đồng USD có xu hướng tăng) được xem là những ẩn số có thể gây áp lực lên cả lãi suất huy động lẫn lãi suất cho vay.

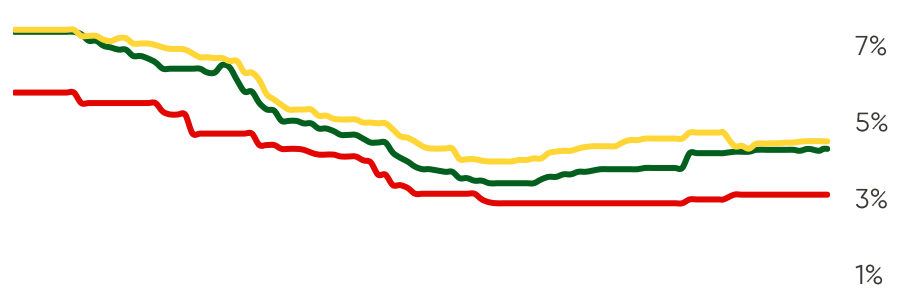
Lãi Suất Liên Ngân hàng



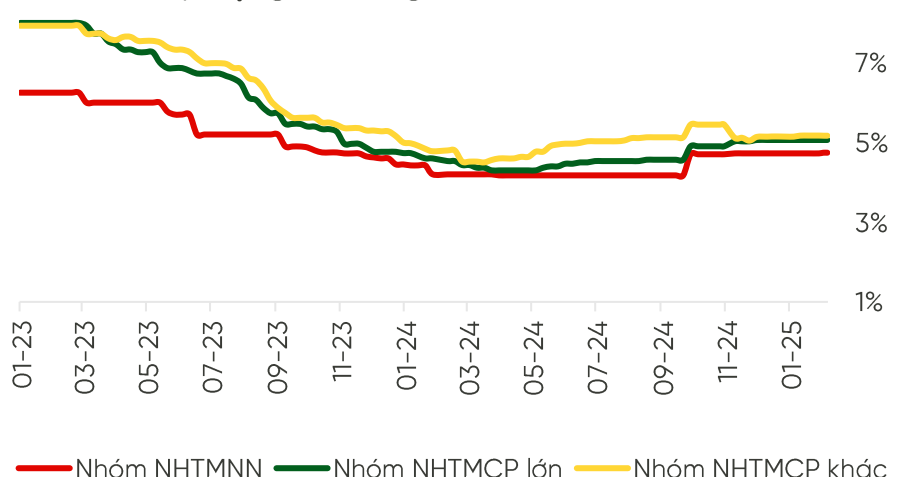
Lãi Suất Huy Động <3 - 6 tháng



Lãi Suất Huy Động 6 - 9 tháng



Lãi Suất Huy Động 13 tháng



Nguồn: SBV, HNX, VPBankS Research phân tích

Thị trường cơ sở

Diễn biến thị trường

- Diễn biến bán ròng của NĐTNN vẫn tiếp tục duy trì với lực bán lớn. Lũy kế từ đầu năm 2025 đến thời điểm hiện tại NĐTNN đã bán ròng 9.397 tỷ đồng và duy trì tác động đến diễn biến và tâm lý thị trường trong ngắn hạn. Còn với thanh khoản thị trường: Đã cải thiện trở lại sau kỳ nghỉ lễ âm lịch với sự tăng trưởng tốt nhất trong 1 tháng gần đây đến từ nhóm tài chính, công nghiệp, năng lượng.

Phân tích kỹ thuật

- Trong trung hạn, chỉ số VN-Index vẫn diễn biến trong vùng dao động rộng từ 1.200 - 1.300 điểm trong vòng hơn 1 năm qua. Tuy nhiên, điểm sáng trong ngắn hạn đến từ việc chỉ số VNindex đã nằm trên các đường MA quan trọng theo khung tuần như MA50, MA100, MA200 tuần. Đồng thời, mức dao động đáy đỉnh của chỉ số Vnindex đã được thu hẹp và điểm tựa gần nhất cho chỉ số Vnindex hiện tại ở mốc 1.260 điểm. Do đó với động lực từ dòng tiền nội quay trở lại và các nhóm mang tính dẫn dắt như ngân hàng, chứng khoán, thép thay phiên nhau có thể giúp chỉ số VNindex chinh phục lại mốc kháng cự 1.300 điểm trong thời gian tới.

Các chỉ số chính

	VNIndex	HNXIndex	Upcom
Đóng cửa	1,267.5	229.4	97.4
% 1M Chg	2.58	4.43	5.58
% YTD Chg	0.06	0.85	2.42
GTGD 1W (tỷ đ)	62,128.0	4,017.0	3,658.0
% 1W Chg	21.8	22.5	10.1
Vốn hóa (VNDtn)	5,425.0	327.4	1,602.1
PE trailing	13.67	16.72	
PB trailing	1.64	1.17	

Xu hướng kỹ thuật chỉ số VN-Index

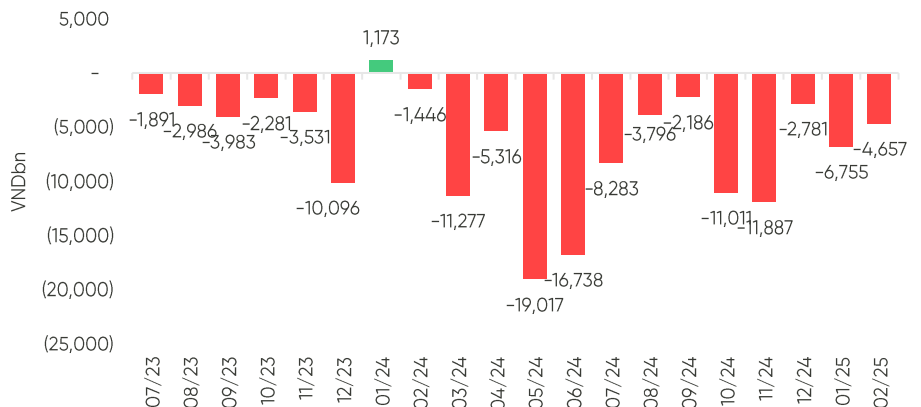
Chỉ số VNINDEX · 1D ● O 1267.25 H 1267.55 L 1263.85 C 1266.54 -0.37 (-0.03%)



Diễn biến ngành

	%1M Chg	%YTD
Tiện ích	0.91	-0.45
Tài chính	6.84	2.70
Công nghiệp	4.00	0.78
Hàng TD thiết yếu	2.29	-1.91
Nguyên vật liệu	0.68	-3.02
Hàng TD không thiết yếu	-1.48	-6.35
Năng lượng	2.73	0.70
Công nghệ thông tin	-2.28	-5.64
Bất động sản	-1.19	-3.22
VN-Index	2.58	0.06

Giao dịch NĐTNN



Nguồn: SBV, HNX, VPBankS Research phân tích

Thị trường vàng

Tin vĩ mô

- Trung Quốc đã khởi động một chương trình thí điểm cho phép các công ty bảo hiểm mua vàng, có thể giải phóng khoảng 27 tỷ đô la cho việc đầu tư vào kim loại quý này tạo thêm động lực cho đợt tăng giá kỷ lục. Vàng là một trong những mặt hàng có hiệu suất mạnh nhất từ đầu năm 2025 và trong năm 2024.
- Sự gia tăng kéo dài này được thúc đẩy bởi việc Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ cắt giảm lãi suất và hoạt động mua của ngân hàng trung ương, đặc biệt là từ các thị trường mới nổi và châu Á, tiếp tục tăng cường dự trữ vàng để đa dạng hóa tài sản và phòng ngừa rủi ro tiền tệ. Ngân hàng Trung ương Trung Quốc đã gia tăng dự trữ vàng trong những tháng gần đây lên mức cao kỷ lục 73,45 triệu ounce, nhằm ứng phó với sự không chắc chắn về địa chính trị và kinh tế.

Phân tích kỹ thuật

- Đầu năm 2025 giá vàng đã có mức tăng trưởng tốt với hơn 10%, sau khi đã tăng mạnh khoảng 27% trong năm 2024. Qua đó đà tăng của Vàng vẫn được củng cố nhờ đồ thị tiếp tục bám theo đường xu hướng tăng kéo dài từ cuối năm 2023. Tuy nhiên Vàng có thể gặp rung lắc trong thời gian tới khi chỉ báo RSI đã vào vùng quá mua ở mức 77, đồng thời đây cũng là mốc cản của cận trên đường xu hướng kéo dài từ 2023. Do đó Vàng có thể tiềm ẩn nhịp điều chỉnh khi tiệm cận vùng 2.965 - 2.995 USD.

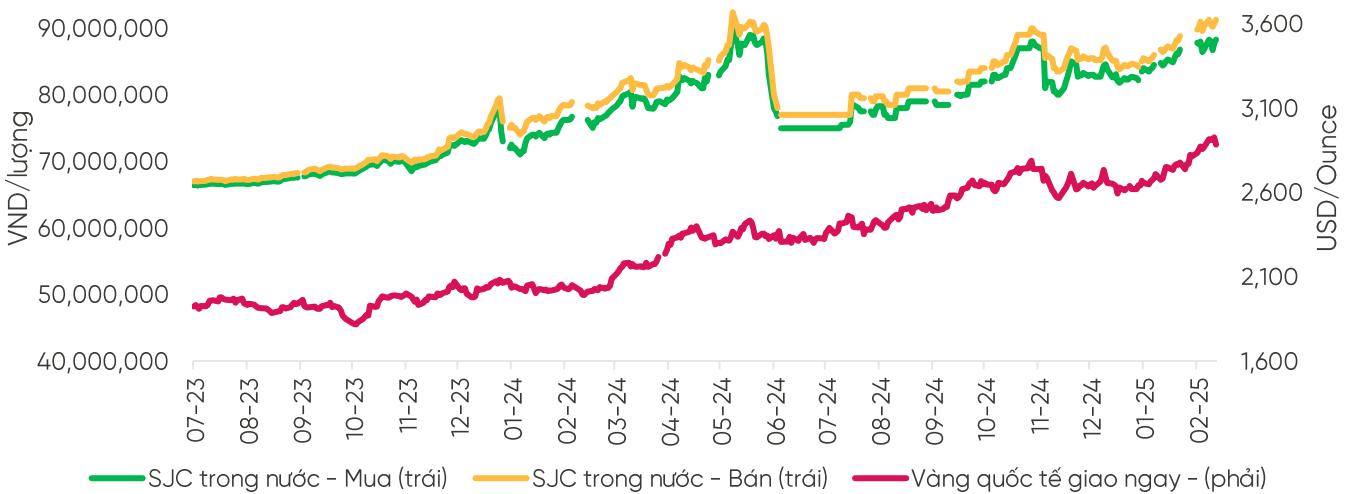
Thị trường vàng trong nước

	Giá (VND/lượng)	%1M	YTD
SJC mua	88,300,000	0.05	0.07
SJC bán	91,300,000	0.06	0.08

Thị trường hàng hóa thế giới

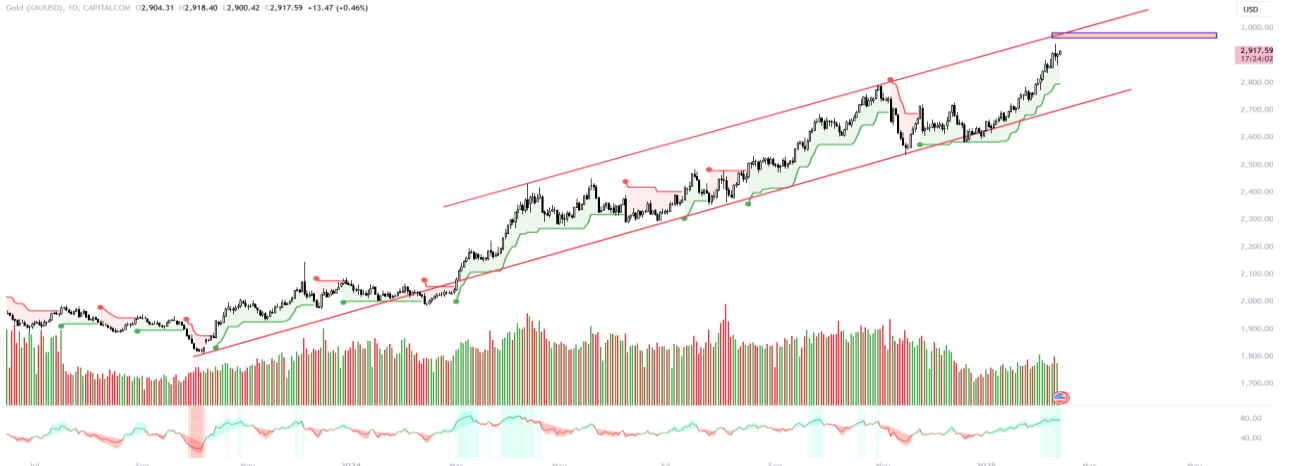
	Giá (USD/ounce)	%1M	YTD
Vàng	2918.53	9.6	11.2
Dầu WTI	70.61	-10.4	-1.5
Dầu Brent	74.39	-8.2	-0.3

Giá vàng trong nước và thế giới tiếp tục biến động cùng chiều với độ chênh lệch giá chưa được thu hẹp



Xu hướng kỹ thuật vàng thế giới

Gold (GURE25), 1D, CAPITALCOM (2,904.31 | 2,918.40 | 2,900.42 | 2,917.59 +13.47 (+0.46%))



Nguồn: SBV, HNX, VPBankS Research phân tích

Bất động sản

TIN TIÊU BIỂU

Trong 01/2025, UBND Thành Phố Thủ Đức đã trao chấp thuận chủ trương đầu tư cho 12 dự án, tiêu biểu:

- Dự án căn hộ của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Sun City: Tổng mức đầu tư: 10,540 tỷ VND.
- Dự án MT Eastmark City của Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh Nhà Điền Phúc Thành: Tổng mức đầu tư: 4,332 tỷ VND
- Dự án căn hộ tại phường Thạnh Mỹ Lợi của CTCP Đầu tư Dịch vụ Thương mại Bách Lộc: Tổng mức đầu tư: 2,764 tỷ VND.
- Dự án KDC tại phường Phú Hữu của CTCP Đầu tư Nam Phan: Tổng mức đầu tư: 1,826 tỷ VND.
- Dự án Metro Star của CTCP Metro Star: Tổng mức đầu tư: 1,600 tỷ VND



Dự án DX Home Riverside

(4.3ha, TP. Thủ Đức, 3,175 căn hộ), dự kiến mở bán lại trong Q1/2025.

- ✓ CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẤT XANH
- ✓ GIÁ DỰ KIẾN: >85 TRIỆU/M2 (CĂN HỘ)



Dự án KĐT Bắc Hà Thanh – Quy Nhơn Iconic (43ha, Bình Định, 1,422 sản phẩm), đủ điều kiện mở bán thêm 535 nền đất vào T1/2025.

- ✓ CÔNG TY CP PT BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT ĐẠT
- ✓ GIÁ GHI NHẬN: ~27-30 TRIỆU/M2 (SHOPHOUSE)



Dự án The Gió Riverside

(3ha, Bình Dương, 2,905 căn hộ và 76 shophouse), dự kiến mở bán Q1/2025.

- ✓ CÔNG TY CP ĐTP BẤT ĐỘNG SẢN AN GIA
- ✓ GIÁ DỰ KIẾN: ~38-40 TRIỆU/M2 (CĂN HỘ)

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán VPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng Khoán VPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 25, tòa nhà VPBANK, số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

Phòng Phân tích Ngành & Cổ phiếu

Email: research@vpbanks.com

Chuyên viên phân tích

Dương Thiện Chí

Email: chidt@vpbanks.com.vn